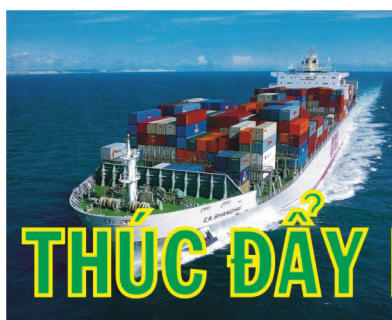




THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

TRƯƠNG ĐÌNH TUYẾN

Nguyên Bộ trưởng Bộ Thương mại

1. Những đặc điểm lớn của thời đại trên góc nhìn kinh tế và hệ quả của nó

- Khoa học công nghệ phát triển rất nhanh, tạo ra những sản phẩm vượt trội, tuổi đời của sản phẩm được rút ngắn. Chính sự phát triển nhanh của khoa học công nghệ khẳng định câu nói nổi tiếng của Marx: “Cái phân biệt thời đại kinh tế này với thời đại kinh tế khác không phải ở chỗ người ta sản xuất ra cái gì mà là sản xuất bằng cách nào”. Điều này dẫn đến hệ quả là: Việc lựa chọn chiến lược sản phẩm nhằm phát huy tiềm năng thế mạnh của doanh nghiệp nói riêng và của quốc gia nói chung tuy rất quan trọng nhưng cách làm ra sản phẩm ấy còn quan trọng hơn.

- Toàn cầu hóa và liên kết kinh tế ngày càng sâu rộng, quá trình quốc tế hóa sản xuất và phân công lao động ngày càng sâu sắc, hình thành cái gọi là: “Mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu”. Điều này dẫn đến hệ quả là:

+ Thị trường của doanh nghiệp được mở rộng,

không chỉ là thị trường trong nước mà cả thị trường toàn cầu. Đặc biệt là doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận với những thị trường đã có hiệp định mậu dịch tự do với mức thuế ưu đãi, nhưng mặt khác, doanh nghiệp cũng chịu sức ép cạnh tranh rất gay gắt với những sản phẩm cùng loại của các đối tác, không chỉ trên thị trường thế giới mà ngay tại thị trường trong nước do mức thuế nhập khẩu bị cắt giảm.

+ Từ đó, mô hình (định hướng) công nghiệp hóa thay đổi, cụ thể như sau:

- Trước những năm 80 của thế kỷ 20, thế giới đang trong thời kỳ bảo hộ mậu dịch, các nước tiến hành công nghiệp hóa theo định hướng thay thế nhập khẩu với hai điều kiện: Một là, hàng rào thuế quan cao và các biện pháp phi quan thuế để hạn chế nhập khẩu, bảo hộ sản xuất trong nước; Hai là, tạo ra thị trường cạnh tranh ở trong nước thông qua phát triển mạnh kinh tế tư nhân. Nhờ hàng rào bảo hộ và thông qua cạnh tranh, các



doanh nghiệp có thời gian để cải tiến công nghệ sản xuất và công nghệ quản lý nhằm hạ giá thành để có thể trụ vững trong cạnh tranh và phát triển các ngành công nghiệp của nước mình. Nhật và Hàn Quốc là những ví dụ thành công về con đường công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.

- Vào nửa cuối những năm 80 của thế kỷ 20, hàng rào bảo hộ bị cắt giảm, trong khi đó, khoa học công nghệ phát triển với tốc độ rất nhanh làm thay đổi và chuyển dịch lợi thế so sánh giữa các quốc gia, định hướng công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu không còn phát huy tác dụng như trước, các nước chuyển sang mô hình công nghiệp hóa hướng vào xuất khẩu dựa trên lợi thế so sánh. Các nước công nghiệp mới (NICs) là ví dụ về sự thành công của mô hình công nghiệp hóa định hướng xuất khẩu.

- Vào giữa những năm 90 của thế kỷ 20, toàn cầu hóa trở thành xu thế lớn với sự xuất hiện nhiều hiệp định mậu dịch tự do (FTA) và sự ra đời của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) mà bản chất kinh tế của nó là sự dịch chuyển tự do của các yếu tố của quá trình tái sản xuất hàng hóa và dịch vụ (vốn, công nghệ, lao động) từ nước này sang nước khác trên phạm vi toàn cầu với các định chế mở cửa thị trường theo các phương thức: (i) cung ứng qua biên giới; (ii) tiêu dùng ngoài lãnh thổ; (iii) hiện diện thương mại; và (iv) hiện diện thể nhân (dù hiện tại phương thức này còn hạn chế). Hệ quả là:

- ❖ Không còn ranh giới rõ ràng giữa thị trường trong nước với thị trường nước ngoài, chi phí vận tải cũng giảm do sự phát triển của vận tải đa phương thức, doanh nghiệp không chỉ phải cạnh tranh với doanh nghiệp các nước khác trên thị trường nước ngoài mà ngay trên thị trường nước mình. Vì vậy, cái gọi là công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu hoặc công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu không còn nguyên nghĩa kinh điển của khái niệm này. Một sản phẩm cạnh tranh được trên thị trường trong nước cũng có thể cạnh tranh trên thị trường nước ngoài.

- ❖ Cùng với quá trình toàn cầu hóa là sự gia tăng hoạt động của các công ty đa quốc gia, hình thành cái gọi là mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, các nước tiến hành công nghiệp hóa dựa trên các yếu tố: (i) lợi thế so sánh dài hạn; (ii) quy mô kinh tế trên tầm nhìn liên vùng; (iii) dung lượng thị trường; và (iv) mức độ cắt giảm thuế theo cam kết. Đây là những yếu tố

cần phải tính đến khi tiến hành công nghiệp hóa cũng như khi phát triển một ngành, một sản phẩm cụ thể.

Trong điều kiện đó, doanh nghiệp, không nhất thiết phải sản xuất nhiều loại sản phẩm, thậm chí cũng không nhất thiết phải sản xuất một sản phẩm hoàn chỉnh mà có thể lựa chọn một công đoạn nào đó mà doanh nghiệp có lợi thế, nhất là công đoạn có khả năng cạnh tranh, có giá trị gia tăng lớn, lợi nhuận cao để có thể tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Tình trạng cạn kiệt tài nguyên, nhất là tài nguyên không tái tạo được; suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu và nước biển dâng đang đe dọa tăng trưởng kinh tế và cuộc sống con người, buộc các nước và cộng đồng doanh nghiệp phải xác định một chiến lược phát triển công nghiệp trên cơ sở sử dụng các dạng nguyên liệu và năng lượng mới, phát triển kinh tế xanh. Hạch toán tăng trưởng, trong đó gắn kết ba nội dung: tăng trưởng, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường trở thành yêu cầu đối với từng doanh nghiệp cũng như mọi quốc gia.

2. Thực trạng nền công nghiệp VN hiện nay và kiến nghị giải pháp phát triển công nghiệp VN trong giai đoạn tới

2.1 Một số nét khái quát về thực trạng nền công nghiệp VN

Ngành công nghiệp của nước ta có hai điểm yếu cơ bản:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất tăng khá cao và liên tục (trung bình khoảng 15%) nhưng độ sâu sản xuất (được đo bằng giá trị gia tăng) ngày càng giảm. Nếu như năm 1995 tỷ lệ giá trị gia tăng (GTGT) của ngành sản xuất công nghiệp là 42% so với tổng giá trị sản lượng thì năm 2007 chỉ còn 26,3%; năm 2010 có thể còn thấp hơn.

- Sản xuất công nghiệp của VN (kể cả cho sử dụng trong nước và xuất khẩu) phụ thuộc rất lớn vào nhập khẩu từ Trung Quốc. Tình hình này ngày càng nghiêm trọng mà chưa rõ giải pháp cải thiện.

Nguyên nhân công nghiệp VN ngoài khai thác khoáng sản thô chủ yếu chỉ làm công đoạn lắp ráp - công đoạn có GTGT thấp nhất, công nghiệp hỗ trợ rất kém phát triển. Có thể nói chúng ta đã chậm trễ ra một chiến lược phát triển công nghiệp hỗ trợ.

2.2 Kiến nghị cách tiếp cận và chính sách phát triển

Thứ nhất: Phát triển công nghiệp hỗ trợ là yêu cầu cấp bách để nâng cao hàm lượng nội địa và GTGT của ngành công nghiệp VN và sự lựa chọn phát triển công nghiệp hỗ trợ ở VN.

Khái niệm công nghiệp hỗ trợ

Công nghiệp hỗ trợ hiểu theo nghĩa rộng là ngành công nghiệp sản xuất các loại vật liệu, chế tạo các chi tiết, bộ phận trung gian để lắp ráp thành một sản phẩm hoàn chỉnh trong ngành công nghiệp chế tác. Theo nghĩa này, công nghiệp hỗ trợ bao gồm rất nhiều ngành công nghiệp từ dệt, sợi, thuộc gia, sản xuất vật liệu phụ tùng, chế tạo khuôn mẫu để lắp ráp các loại máy cơ khí, ô tô, tàu thủy, điện gia dụng, thiết bị điện tử... Hàn Quốc gọi đây là ngành công nghiệp vật liệu và phụ tùng. Đây là khái niệm rộng nhưng lại khá đầy đủ, chính xác về công nghiệp hỗ trợ.

Về lựa chọn sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho VN

Trong thời đại toàn cầu hóa kinh tế và quốc tế hóa quá trình sản xuất ngày càng sâu sắc, hàng rào bảo hộ bị giảm thiểu, cạnh tranh rất gay gắt, không một quốc gia nào có thể sản xuất tất cả các chi tiết, bộ phận cho một sản phẩm hoàn chỉnh. Mỗi nước chỉ có thể sản xuất một số chi tiết, bộ phận mà mình có lợi thế để tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Việc lựa chọn phát triển các sản phẩm hỗ trợ cần dựa vào các tiêu chí sau:

- Phù hợp với chiến lược phát triển ngành công nghiệp trong một thời gian đủ dài.

- Có các cơ sở chế tạo và lắp ráp ở trong nước (đây là yếu tố cần tính đến nhưng không phải là yếu tố quyết định nhất, vì nếu có khả năng cạnh tranh có thể xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ra thị trường thế giới nhất là xuất khẩu vào các thị trường có FTA).

- Lợi thế so sánh dài hạn. Đây là yếu tố quyết định nhất.

Từ các tiêu chí này, lựa chọn các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ở VN có thể là:

- + Các chi tiết phụ tùng cơ khí.

- + Các linh kiện, bộ phận của thiết bị điện (bao gồm: điện gia dụng, thiết bị điện văn phòng) và điện tử.

Trong hai nhóm sản phẩm này, tập trung vào

các sản phẩm bằng vật liệu kim loại (trước mắt còn phải nhập khẩu nhưng ta đã có dự án FDI đầu tư sản xuất loại vật liệu này), vật liệu nhựa (ta đã sản xuất được hạt nhựa chất lượng tốt) được chế tạo bằng các công nghệ đúc, dập, ép, và gia công cơ khí (bao gồm cả các chi tiết tiêu chuẩn: bu lông, ốc vít...). Việc lựa chọn hai nhóm sản phẩm này phù hợp với chiến lược phát triển công nghiệp của VN, ở trong nước đã có các dự án đầu tư sản xuất nguyên liệu (thép), nguyên liệu (nhựa), có các cơ sở chế tạo cơ khí và nhà máy lắp ráp. Đây cũng là các sản phẩm ta có thể khai thác lợi thế về nguồn nhân lực nếu có chương trình đào tạo bài bản. Hơn nữa, đang có sự kết hợp rất mạnh giữa ngành cơ khí và ngành điện tử thành ngành cơ - điện tử, đặc biệt là trong các máy công tác.

Tuy vậy, vẫn còn phải xử lý để có danh mục sản phẩm hẹp hơn trong hai nhóm này. Để làm việc đó cần tổ chức các hội thảo có sự tham gia của các cơ quan quản lý ngành, các trường đại học, các viện công nghệ, các doanh nghiệp thuộc các hiệp hội cơ khí, hiệp hội nhựa, hiệp hội điện tử...

Thứ hai: Tổ chức sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

Xây dựng các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ

Việc phát triển công nghiệp hỗ trợ cần hình thành theo cụm nhóm nhằm đạt tới sự đồng bộ tối đa có thể trong việc sản xuất, cung ứng các chi tiết bộ phận cho sản phẩm cuối cùng. Vì vậy, cần hình thành các khu dành riêng cho việc thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Việc hình thành các khu như vậy còn nhằm:

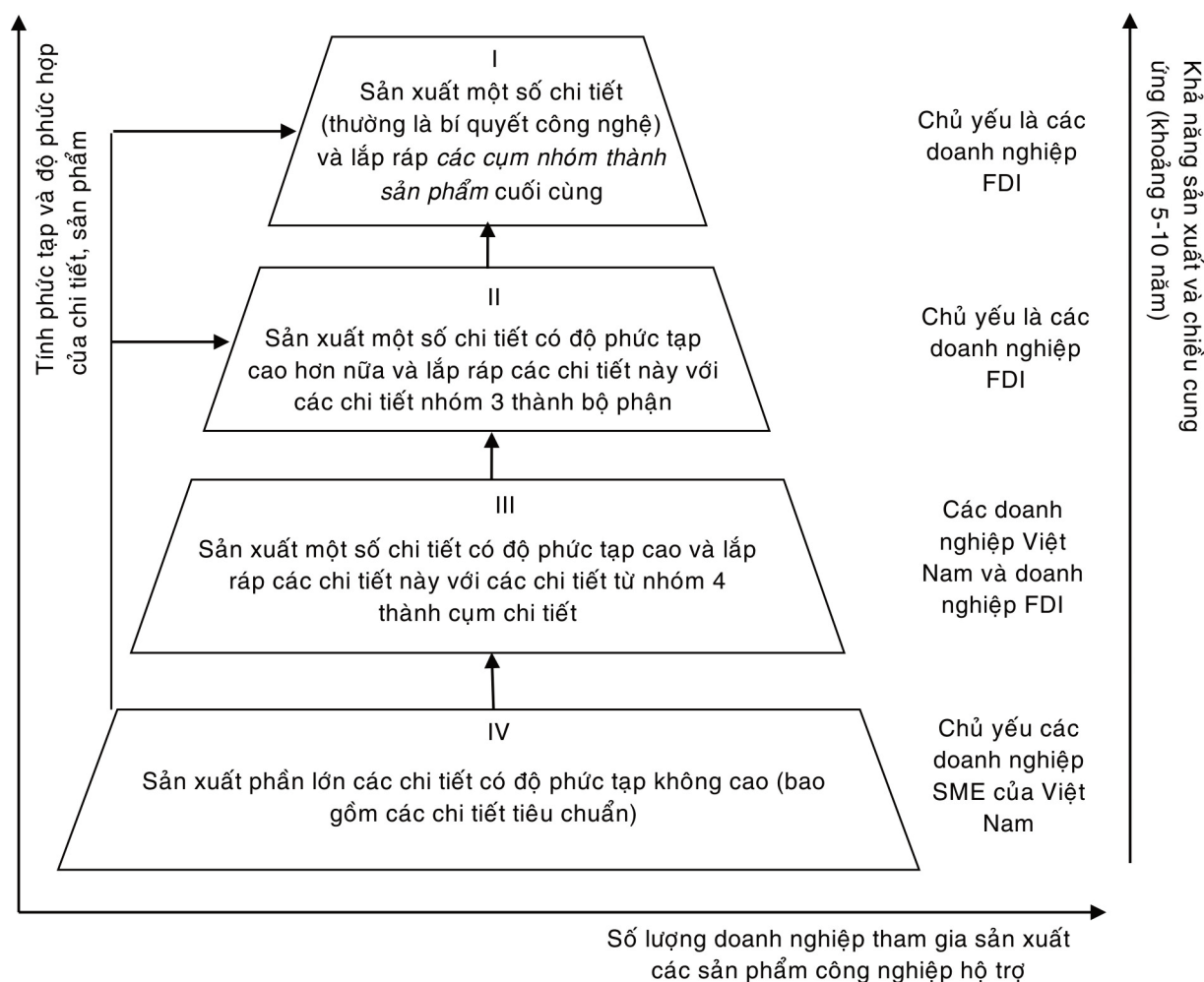
- Bảo đảm đường vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ngắn nhất theo quy trình sản xuất và lắp ráp, tiết kiệm chi phí vận tải.

- Tận dụng khả năng sử dụng chung các thiết bị công nghệ nhằm tận dụng công suất và tiết kiệm đầu tư.

- Tạo điều kiện tổ chức thông tin giữa các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, giữa doanh nghiệp lắp ráp với doanh nghiệp sản xuất linh kiện, chi tiết.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong khâu kiểm tra của các doanh nghiệp lắp ráp với doanh nghiệp sản xuất linh kiện, chi tiết. Tổ chức theo cụm nhóm cũng thuận lợi cho việc cung cấp và sử dụng các loại dịch vụ cần thiết trong quá trình sản xuất.





Tổ chức các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo sơ đồ hình thang

Thứ ba: Chính sách ưu đãi và hỗ trợ phát triển.

Là nước đi sau, hàng rào bảo hộ bị giảm thiểu, trong điều kiện cạnh tranh gay gắt, chỉ có thể phát triển được công nghiệp hỗ trợ nếu có chính sách ưu đãi và hỗ trợ phát triển đủ mạnh. Các chính sách ưu đãi và hỗ trợ phát triển phải được thực hiện cho những doanh nghiệp nằm trong chuỗi sản xuất - lắp ráp thành sản phẩm cuối cùng. (kể cả cho các doanh nghiệp lắp ráp ở nước ngoài). Điều đó có nghĩa là chỉ các doanh nghiệp nào nằm trong dây chuyền sản xuất theo sơ đồ hình thang nêu trên mới nhận được ưu đãi và các chính sách hỗ trợ phát triển.

Lập Quỹ phát triển công nghiệp hỗ trợ để thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ phát triển. Quỹ này do Bộ Công thương chịu trách nhiệm về phát triển công nghiệp hỗ trợ, quản lý và chi trả theo các chính sách ưu đãi và hỗ trợ phát triển do Chính

phủ quyết định. Cuối năm quyết toán với Bộ Tài chính. (Hàn Quốc lập quỹ phát triển công nghiệp hỗ trợ 300 tỷ Won, giá trị đồng Won lúc đó cao hơn hiện nay)

Các chính sách ưu đãi

- Ưu đãi về giá thuê đất để đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. (Ở nhiều nước, vùng lãnh thổ, Chính phủ đều dành cho các nhà sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuê đất với giá rất rẻ, thậm chí các doanh nghiệp còn được nợ tiền cho đến khi có lợi nhuận mới phải trả).

- Miễn thuế nhập khẩu thiết bị công nghệ để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (đây cũng là chính sách nhiều nước đã áp dụng).

- Miễn thuế thu nhập trong một số năm tính từ khi doanh nghiệp có lợi nhuận, sau đó tiếp tục giảm thuế cho nhiều năm tiếp theo (Đài Loan còn thực hiện chính sách giảm 15% thuế thu nhập khi doanh nghiệp sản xuất được sản phẩm mới, bất kể doanh nghiệp đã sản xuất thời gian bao lâu).

Các chính sách hỗ trợ phát triển

+ Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực: yếu tố quyết định. Chính phủ đưa vào chương trình đào tạo hàng năm nguồn nhân lực có chất lượng cao cho doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

+ Xem xét khả năng hỗ trợ doanh nghiệp kinh phí thuê chuyên gia kỹ thuật nước ngoài trong một số năm đầu.

+ Lập các tổ chức tư vấn công và phát triển các công ty tư vấn trợ giúp doanh nghiệp. Nhà nước hỗ trợ kinh phí chi trả dịch vụ tư vấn (Ở Đài Loan, Chính phủ chi trả 80%, doanh nghiệp là 20%; ở Hàn Quốc tỷ lệ này là 70% và 30%).

+ Lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

+ Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp mua bằng sáng chế, bí quyết công nghệ để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Trường hợp doanh nghiệp nhận được sự hỗ trợ kinh phí nếu doanh nghiệp khác muốn dùng chung các sáng chế, bí quyết công nghệ đó, doanh nghiệp có trách nhiệm chuyển giao, phần kinh phí chuyển giao do các doanh nghiệp thỏa thuận nhưng không bao gồm phần kinh phí Nhà nước hỗ trợ.

+ Chính phủ đàm phán với các nước Nhật, Hàn Quốc và lãnh thổ Đài Loan về chương trình hành động chung phát triển công nghiệp hỗ trợ ở VN (Hàn Quốc, Đài Loan đã từng làm việc này với Nhật khi bắt đầu phát triển công nghiệp hỗ trợ).

+ Nghiên cứu xây dựng các vườn ươm công nghệ tại các trường đại học, viện nghiên cứu công nghệ để hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các ý tưởng nhằm phát triển công nghệ sản xuất (Nhật và Đài Loan đã thực hiện mô hình này với kết quả tốt).



Những việc cần triển khai trước

+ Ban hành nghị định và ban hành chương trình hành động quốc gia về phát triển công nghiệp hỗ trợ, trong đó quy định danh mục sản phẩm ưu tiên phát triển, chính sách ưu đãi và hỗ trợ phát triển..

+ Lập cục công nghiệp hỗ trợ thuộc Bộ Công thương để quản lý và phát triển công nghiệp hỗ trợ (ở cấp tỉnh có thể xem xét hình thành tổ chức phù hợp trong Sở Công thương)

Sau khi đã ban hành các văn bản nêu trên, tổ chức phổ biến văn bản này trong cộng đồng doanh nghiệp nhằm: (i) Làm cho cộng đồng doanh nghiệp hiểu rõ chủ trương phát triển công nghiệp hỗ trợ, danh mục các sản phẩm ưu tiên phát triển, các chính sách ưu đãi và hỗ trợ phát triển các sản phẩm này; (ii) chuẩn bị ý tưởng cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; (iii) thiết lập quan hệ giữa các doanh nghiệp trong sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Khảo sát các doanh nghiệp có khả năng và tổ chức hệ thống các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm hỗ trợ theo sơ đồ hình thang, bắt đầu từ các doanh nghiệp đã có quan hệ cung cấp với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cuối cùng của Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật và các doanh nghiệp FDI khác cũng như các doanh nghiệp trong nước (dựa vào số liệu khảo sát đã có và làm sâu sắc thêm). Tổ chức cho các doanh nghiệp này gặp nhau để thỏa thuận việc phát triển công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở thị trường, có sự định hướng của nhà nước.

Nghiên cứu thành lập Hiệp hội danh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nhằm tăng cường liên kết dọc (theo chuỗi sản xuất và cung ứng và liên kết ngang giữa các doanh nghiệp sản xuất cùng loại hoặc nhóm sản phẩm)■

